

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-01-2019
Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Tâm

Ông Thái Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về “Xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Lương Thị Kim N, sinh năm 1991 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: anh DUONG VAN T, sinh năm 1960 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: King St. W., Torot On K G, Canada.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Chị Lương Thị Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh DUONG VAN T tự tìm hiểu nhau qua mạng Internet, sau đó tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/01/2015, vào sổ đăng ký kết hôn số 21 ngày 26/01/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau

tại Việt Nam được thời gian ngắn thì anh DUONG VAN T trở về Canada và làm thủ tục bảo lãnh cho chị sang Canada nhưng không được. Sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, khoảng cách xa về địa lý nên vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh DUONG VAN T để mỗi người có cuộc sống riêng. Vì công việc và không có điều kiện tham gia phiên tòa nên chị xin được vắng mặt.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: chị xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

* Anh DUONG VAN T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình sống chung, anh và chị N có nhiều mâu thuẫn, không được hòa thuận. Nay chị N xin ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Vì anh sinh sống tại Canada, không có điều kiện để về tham dự phiên tòa nên anh xin được vắng mặt, cam kết không khiếu nại gì về việc xin ly hôn của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn chị N và bị đơn anh DUONG VAN T đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, hôn nhân giữa chị N và anh DUONG VAN T đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/01/2015, theo đúng quy định tại các Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[3] Nguyên nhân dẫn đến ly hôn, chị N và anh DUONG VAN T đều thống nhất xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Theo chị N thì nguyên nhân mâu thuẫn là do anh DUONG VAN T trở về Canada và làm thủ tục bảo lãnh cho chị sang Canada nhưng không được. Sau đó vợ chồng

phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, khoảng cách xa về địa lý nên vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Còn anh DUONG VAN T cũng xác định vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hòa thuận được với nhau. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh DUONG VAN T không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng, Hội đồng xét xử có căn cứ để cho rằng hôn nhân giữa anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, hiện nay anh DUONG VAN T sống ở Canada, còn chị N sống tại Việt Nam, giữa vợ chồng không có sự liên lạc nào với nhau nên không có khả năng đoàn tụ, cả hai người đều tự nguyện đồng ý ly hôn. Do đó, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N với anh DUONG VAN T.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị N phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 228, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị Kim N.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lương Thị Kim N được ly hôn với anh DUONG VAN T.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị N phải chịu án phí là 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000516 ngày 17/12/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Báo cho anh DUONG VAN T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án này được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Đối với chị N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ bản án này được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Nhiên